

Bản án số: 17/2026/HNGĐ- ST

Ngày 30 - 07 - 2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thy Thy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp;

2. Bà Nguyễn Thị Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Mỹ P, sinh năm 1993; số CCCD 064193008452, cấp ngày 28/06/2021; địa chỉ: Tổ A, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Như M, sinh năm 1989; địa chỉ: B T, thôn F, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ P trình bày:

Năm 2016 chị Trương Thị Mỹ P và anh Đỗ Như M kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai), cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 87 ngày 15 tháng 06 năm 2016. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng mấy năm về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan niệm sống. Mặc dù hai bên đã cố gắng và hai bên gia đình cũng đã can thiệp nhưng vợ chồng chị vẫn không kiềm chế được bức xúc khi chung sống với nhau, đời sống chung của vợ chồng chị không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được như mong muốn. Hai bên đã sống ly thân. Chị Trương Thị Mỹ P thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân

không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Như M.

Về con chung: Chị Trương Thị Mỹ P và anh Đỗ Như M có 01 con chung là Đỗ Như P1, sinh ngày 27/02/2017. Hiện cháu P1 đang do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị Trương Thị Mỹ P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Như P1 và không yêu cầu anh Đỗ Như M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Như M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Mỹ P.

Tại văn bản trình bày ý kiến của con chung là cháu Đỗ Như P1 trình bày: Cháu hiện đang sống chung với mẹ là chị Trương Thị Mỹ P và được cho ăn học đầy đủ. Cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là chị Trương Thị Mỹ P khi cha mẹ của cháu ly hôn. Ngoài ra cháu không có nguyện vọng gì khác đề trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai phát biểu quan điểm:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập và không nộp tài liệu chứng cứ.

* Về nội dung vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ P, xử ly hôn giữa chị Trương Thị Mỹ P và anh Đỗ Như M. Về con chung, giao con chung là Đỗ Như P1, sinh ngày 27/02/2017 (theo nguyện vọng con) cho chị P nuôi dưỡng, chị P không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trương Thị Mỹ P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đỗ Như M và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; bị đơn cư trú tại thôn F, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn anh Đỗ Như M trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến Toà để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không chấp hành. Đến phiên toà hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của bị đơn không nghiêm túc, không tôn trọng pháp luật, đã từ chối quyền được chứng minh phản đối yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Mỹ P và anh Đỗ Như M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai), vào ngày 15 tháng 06 năm 2016 theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của chị Trương Thị Mỹ P và anh Đỗ Như M là hợp pháp. Theo nội dung xác minh tại nơi cư trú thấy rằng chị P và anh M không có tiếng nói chung, tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, gia đình, bố mẹ hai bên và hàng xóm lân cận đều biết, bố mẹ hai bên nhiều lần khuyên can nhưng vẫn tiếp diễn tình trạng mâu thuẫn và hiện tại chị P và anh M không còn chung sống với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh Đỗ Như M không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, không cùng chị P chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Mỹ P.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị Mỹ P và anh Đỗ Như M 01 con chung là Đỗ Như P1, sinh ngày 27/02/2017. Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Như P1. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Như M không có ý kiến trình bày về việc nuôi con chung. Cháu Đỗ Như P1 có nguyện vọng được sống cùng với chị P khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi 01

con chung của chị P. Anh Đỗ Như M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi hoặc chấm dứt việc nuôi con thực hiện theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Mỹ P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng đối với yêu cầu giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Mỹ P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Mỹ P được ly hôn với anh Đỗ Như M .

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Như P1, sinh ngày 27/02/2017 cho chị Trương Thị Mỹ P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Đỗ Như M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Mỹ P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002984 ngày 02 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/07/2026), đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai
- VKSND khu vực 10 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 10 - Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Đak Đoa (GCNKH số 87, ngày 15/6/2016 của UBND t.t Đak Đoa, h.Đak Đoa, Gia Lai);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thy Thy